

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/6/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2019/TLST - HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 14/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST – HN ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm: 1982 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* *Bị đơn:* Anh Cao Văn K, sinh năm: 1975 (*vắng mặt lần 2 không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Ấp ĐB, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Cao Văn K tổ chức đám cưới, chung sống vô tư nhau từ năm 2003, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/6/2010. Sau khi đám cưới, vợ chồng về sinh sống tại ấp ĐB, xã ĐH cho đến khi vợ chồng không còn chung sống cùng nhau.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù, chị H đã nhẫn nhịn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh chị đã thật sự ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung cháu Cao Hà L (sinh ngày 16/4/2004, giới tính nam) và cháu Cao Ngọc D (sinh ngày 15/6/2006, giới tính nữ). Hiện nay chung sống với chị.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H yêu cầu: Được ly hôn với anh K; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Hà L và Ngọc D, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Cao Văn K không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- *Chị H và anh K*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Cao văn K là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị H khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh K đang cư trú và sinh sống tại ấp DB, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do. Tòa án triệu tập anh K tham gia phiên tòa sơ thẩm lần hai nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh K không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và chị

H có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh K chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/6/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị H về việc ly hôn với anh K, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, tính tình không hòa hợp. Chị luôn nhẫn nhịn nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị H và anh K tH xuyên cựa cựa, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hạnh phúc là đúng. Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý và Tòa án đã tiến hành triệu tập anh K nhiều lần để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh K luôn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị H.

Mặc khác, theo như chị H trình bày anh chị đã thân từ năm 2014 đến nay nhưng anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị H được ly hôn với anh K.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi 02 cháu Hà L và Ngọc D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà L và Ngọc D (*đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 17/7/2019 của cháu L và D*) nên tiếp tục giao 02 cháu Hà L và Ngọc D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời K hôn nhân của chị H và anh K thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Cao Văn K.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Cao Hà L (*sinh ngày 16/4/2004, giới tính nam*) và cháu Cao Ngọc D (*sinh ngày 15/6/2006, giới tính nữ*) cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nhưng khi cần thiết chị H có quyền yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Võ Thị H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0007576 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị H và anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh